BUSINESS REQUIREMENTS DOCUMENT

**Tên đề tài: Cửa Hàng Thức Ăn Nhanh**

Nhóm 3:

Nguyễn Anh Thư

Nguyễn Hoàng Đức

Dương Thị Yến Linh

Lê Thị Quỳnh Hương

Huỳnh Kiếng Quân

# Giới thiệu chung

* Tài liệu này đưa ra các đặc tả yêu cầu của phần mềm Web bán hàng thức ăn nhanh. Trang web cho phép người dùng xem và đặt hàng các loại sản phẩm thức ăn nhanh, cho phép người quản lý có thể quản lý các sản phẩm của nhà hàng, duyệt các đơn hàng đặt món. Cung cấp giao diện trực quan , dễ dàng quản lý.

# Mô tả hệ thống

## 2.1 Mục tiêu của hệ thống

* Xây dựng một trang web giới thiệu về các sản phẩm, chi tiết sản phẩm, các chương trình khuyến mãi của nhà hàng bán thức ăn nhanh.
* Cung cấp dịch vụ đặt hàng trực tuyến

## 2.2 Mô hình và ngôn ngữ của hệ thống

* Hệ thống được xây dựng theo mô hình MVC và Clean Architecture
* MVC là từ viết tắt bởi 3 từ Model – View – Controller. Đây là mô hình thiết kế sử dụng trong kỹ thuật phần mềm. Mô hình source code thành 3 phần, tương ứng mỗi từ. Mỗi từ tương ứng với một hoạt động tách biệt trong một mô hình.

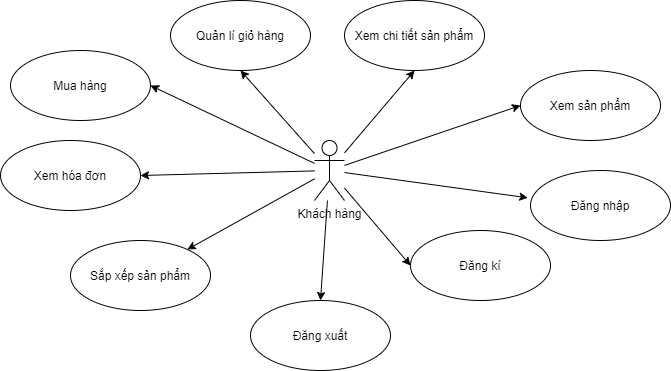
Mỗi bộ phận thực hiện chức năng nhất định, nhưng chúng có sự thống nhất, liên kết với nhau tạo nên mô hình MVC. Mô hình này tương đối nhẹ. Nó có thể tích hợp được nhiều tính năng có trong ASP.NET hiện giờ. Ví dụ như authentication (quá trình xác thực).

* Clean Architecture được xây dựng dựa trên tư tưởng "độc lập" kết hợp với các nguyên lý thiết kế hướng đối tượng(đại diện tiêu biểu là Dependency Inversion). Độc lập ở đây nghĩa là việc project không bị phụ thuộc vào framework và các công cụ sử dụng trong quá trình kiểm thử.
* Sử dụng ngôn ngữ C# + .NET Core

## ASP.NET Core là một open-source mới và framework đa nền tảng (cross-platform) cho việc xây dựng những ứng dụng hiện tại dựa trên kết nối đám mây, giống như web apps, IoT và backend cho mobile.

# Sơ đồ chức năng

## 3.1 Use Case diagram

****

## 3.2 Đặc tả Usecase

3.2.1 Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase đăng nhập |  |
| Tóm tắt | Usecase bắt đầu khi người dùng nhấn vào nút Đăng nhập. |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập tên đăng nhập và mật khẩu.  2. Người dùng nhấn vào nút Log in bên dưới.  3. Hệ thống xử lý nhập liệu đối với thông tin người dùng cung cấp.  4. Thông tin được gửi đến hệ thống xử lý đăng nhập.  5. Hệ thống xử lý đăng nhập truy xuất thông tin đăng nhập.  6. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập hợp lệ.  7. Hiển thị giao diện người dùng. |
| Dòng sự kiện thay thế | * Nếu người dùng không nhập tên đăng nhập và mật khẩu, ứng dụng sẽ yêu cầu người dùng bổ sung các thông tin còn thiếu. * Nếu người dùng chỉ nhập tên đăng nhập hoặc mật khẩu, ứng dụng sẽ thông báo đăng nhập không thành công. * Nếu người dùng nhập sai tên đăng nhập hoặc mật khẩu, ứng dụng sẽ thông báo đăng nhập không thành công. |
| Tiền điều kiện | * Người dùng đã có tài khoản. |
| Hậu điều kiện | * Ứng dụng sẽ cung cấp giao diện phụ thuộc vào vai trò tài khoản đăng nhập. |

3.2.2 Đăng ký

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase đăng ký |  |
| Tóm tắt | Usecase bắt đầu khi người dùng nhấn vào nút Đăng ký |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn đăng ký tài khoản  2. Hệ thống hiển thị form đăng ký tài khoản  3. Người dùng nhập tên tài khoản, mật khẩu và các thông tin được yêu cầu  4. Thông tin được gửi đến hệ thống xử lý đăng ký  5. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng ký có hợp lệ hay không  6. Hệ thống lưu thông tin đăng ký của khách hàng vào cơ sở dữ liệu  7. Hệ thống thông báo đã đăng ký thành công  8. Hệ thống quay về trang chủ |
| Dòng sự kiện thay thế | * Nếu người dùng không nhập tên đăng ký và mật khẩu, ứng dụng sẽ yêu cầu người dùng bổ sung các thông tin còn thiếu. * Nếu dữ liệu người dùng nhập không hợp lệ, hệ thống sẽ thông báo dữ liệu không hợp lệ |
| Tiền điều kiện | * Không có |
| Hậu điều kiện | * Hệ thống đưa người dùng về lại trang chủ với lựa chọn đăng nhập và đăng ký |

3.2.3 Đặt hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase mua hàng |  |
| Tóm tắt | Usecase bắt đầu khi người dùng chọn Đặt hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng nhấn vào nhấn vào nút Đặt hàng 2. Hệ thống thêm sản phẩm đó vào trong Giỏ hàng 3. Màn hình thông báo đã thêm vào Giỏ hàng |
| Dòng sự kiện thay thế | * Không có |
| Tiền điều kiện | * Khách hàng phải ở trang xem sản phẩm |
| Hậu điều kiện | * Hệ thống sẵn sàng thanh toán |

3.2.4 Quản lý giỏ hàng

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase quản lý giỏ hàng |  |
| Tóm tắt | Usecase bắt đầu khi người dùng nhấn vào Giỏ hàng |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn giỏ hàng 2. Màn hình hiển thị danh sách các sản phẩm khách hàng đã chọn. 3. Khách hàng nhấn vào dấu x 4. Hệ thống xóa sản phẩm đó trong CSDL đơn hàng 5. Màn hình hiển thị danh sách đã cập nhật |
| Dòng sự kiện thay thế | * Không có |
| Tiền điều kiện | * Người dùng phải thêm sản phẩm vào giỏ hàng. |
| Hậu điều kiện | * Hệ thống sẵn sàng để thanh toán |

3.2.5 Xem sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase xem sản phẩm |  |
| Tóm tắt | Use case xảy ra khi người dùng xem sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng vào trang chủ của hệ thống 2. Người dùng chọn mục sản phẩm cần xem 3. Thông tin được gửi đến hệ thống 4. Hệ thống hiển thị các sản phẩm có trong mục 5. Người dùng xem thông tin các sản phẩm có trong mục |
| Dòng sự kiện thay thế | * Không có |
| Tiền điều kiện | * Sản phẩm phải hiển thị trên hệ thống |
| Hậu điều kiện | * Không có |

3.2.6 Xem tra cứu thông tin sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase xem chi tiết sản phẩm |  |
| Tóm tắt | Usecase xảy ra khi người dùng xem chi tiết sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1.Người dùng truy cập website, bấm vào mục tìm kiếm sản phẩm  2.Người dùng nhập sản phẩm cần tìm và bấm tìm kiếm  3.Hệ thống hiển thị sản phẩm người dùng cần tìm. |
| Dòng sự kiện thay thế | - Hệ thống sẽ thông báo không tìm thấy sản phẩm khi người dùng nhập tên sản phẩm không phù hợp. |
| Tiền điều kiện | - Sản phẩm phải có trên hệ thống. |
| Hậu điều kiện | - Không có |

3.2.7 Sắp xếp sản phẩm

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase sắp xếp sản phẩm |  |
| Tóm tắt | Use case xảy ra khi người dùng muốn sắp xếp sản phẩm |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng chọn vào mục sản phẩm cần xem 2. Hệ thống hiển thị các sản phẩm có trong mục 3. Người dùng nhấn vào nút bộ lọc ở bên trái 4. Hệ thống hiển thị nhiều lựa chọn để lọc sản phẩm 5. Người dùng lựa chọn yêu cầu sắp xếp sản phẩm theo ý thích 6. Hệ thống hiển thị các sản phẩm theo sắp xếp của người dùng 7. Người dung xem sản phẩm |
| Dòng sự kiện thay thế | * Hệ thống sẽ thông báo không có sản phẩm khi người những yêu cầu không phù hợp với điều kiện sản phẩm |
| Tiền điều kiện | * Không có |
| Hậu điều kiện | * Hệ thống sẽ trở về ban đầu khi người dùng xóa toàn bộ điều yêu cầu |

3.2.8 Xem hóa đơn

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase xem hóa đơn |  |
| Tóm tắt | Usecase sẽ bắt đầu khi người dùng yêu cầu xem hoá đơn |
| Dòng sự kiện chính | 1.Hệ thống hiển thị tất cả các hóa đơn mà khách hàng đã mua tại hệ thống được sắp xếp theo mã.  2.Hệ thống yêu cầu người khách hàng chọn chức năng muốn thực hiện  3.Hệ thống yêu cầu người khách hàng chọn các điều kiện tìm kiếm theo ý muốn và hệ thống hổ trợ.  4.Khi chọn xong điều kiện tìm kiếm , người khách hàng chọn chức năng xem đơn hàng.  5.Danh sách các hóa đơn thỏa điều kiện sẽ được đưa ra hiển thị. |
| Dòng sự kiện thay thế | -Hệ thống sẽ yêu cầu người dùng đăng nhập tài khoản khách hàng.  -Hiển thị không có đơn hàng nào nếu khách hàng chưa giao dịch tại hệ thống. |
| Tiền điều kiện | -Người sử dụng phải có tài khoản khác hàng và đã giao dịch tại hệ thống trước khi use case này bắt đầu. |
| Hậu điều kiện | -Không có. |

3.2.9. Đăng xuất

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase quản lý giỏ hàng |  |
| Tóm tắt | Usecase bắt đầu khi người dùng nhấn vào nút Đăng xuất |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng nhấn vào nút Đăng xuất 2. Màn hình đăng xuất khỏi tài khoản khách hàng |
| Dòng sự kiện thay thế | * Không có |
| Tiền điều kiện | * Khách hàng có tài khoản và đăng nhập vào tài khoản |
| Hậu điều kiện | * Màn hình hiện trang chủ lúc chưa đăng nhập |

3.2.10. Thanh toán

|  |  |
| --- | --- |
| Usecase mua hàng |  |
| Tóm tắt | Usecase bắt đầu khi người dùng chọn Tiến hành mua |
| Dòng sự kiện chính | 1. Người dùng nhập form thông tin đặt hàng 2. Người dùng nhấn nút Complete Order 3. Hệ thống xử lý nhập liệu đối với thông tin người dùng cung cấp 4. Màn hình hiển thị thông báo đặt hàng thành công |
| Dòng sự kiện thay thế | * Không có |
| Tiền điều kiện | * Khách hàng phải đăng nhập tài khoản |
| Hậu điều kiện | * Hệ thống sẵn sàng cho lần đặt hàng tiếp theo |

# Danh sách chức năng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên chức năng | Mô tả |
| 1 | Xem sản phẩm | Xem thông tin chi tiết về các sản phẩm, dịch vụ, khuyến mãi, địa chỉ của nhà hàng,... |
| 2 | Đặt hàng | Khách hàng thêm món vào trong giỏ hàng |
| 3 | Quản lý giỏ hàng | Khách hàng có thể thêm, sửa, xóa các sản phẩm đã đặt trong giở |
| 4 | Sắp xếp sản phẩm | Sắp xếp sản phẩm xem sản phẩm theo giá từ thấp đến cao xem theo tên, loại sản phẩm |
| 5 | Tìm kiếm | Tìm kiếm sản phẩm theo tên |
| 6 | Đăng nhập | Đăng nhập vào tài khoản đã đăng kí |
| 7 | Đăng ký | Đăng ký tài khoản mới, hệ thống sẽ ghi nhớ tài khoản này cho lần đăng nhập sau |
| 8 | Đăng xuất | Đăng xuất khỏi tài khoản |

# Sơ đồ lớp

